

Đào tạo gắn với phát triển toàn diện: định hướng học tập suốt đời và lối sống có trách nhiệm cho sinh viên trong thời đại số

Nguyễn Thị Phương Loan
Email: phuongloanlce@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế tri thức và sự biến đổi nhanh của thị trường lao động, sinh viên tại các cơ sở đào tạo không chỉ cần được trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn cần hình thành năng lực tự học, năng lực quản trị bản thân, trách nhiệm số, trách nhiệm cộng đồng và khả năng thích ứng nghề nghiệp. Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ tâm lý học - giáo dục học, trên cơ sở các quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về cải cách giáo dục, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đột phá phát triển giáo dục, phát triển giáo dục nghề nghiệp, chuyển đổi số; đồng thời liên hệ với định hướng phát triển giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và thanh niên của tỉnh Lạng Sơn. Bài viết nhấn mạnh rằng học tập suốt đời không thể hình thành bền vững nếu sinh viên thiếu năng lực tự nhận thức, tự điều chỉnh học tập và quản trị bản thân. Từ khung tiếp cận tâm lý - giáo dục: nhu cầu tâm lý của sinh viên, động cơ học tập, năng lực quản trị bản thân, hành vi học tập suốt đời, lối sống có trách nhiệm, hạnh phúc nghề nghiệp, bài viết đề xuất mô hình 5T gồm: tự nhận thức, tự quản trị, tự học, trách nhiệm và thích ứng như một định hướng phát triển sinh viên trong thời đại số; đồng thời đề xuất một số giải pháp triển khai trong các cơ sở đào tạo.

Từ khóa: đào tạo toàn diện; học tập suốt đời; lối sống có trách nhiệm; sinh viên; thời đại số; quản trị bản thân; trách nhiệm số; hoạt động cộng đồng; hạnh phúc nghề nghiệp.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục trong thế kỷ XXI đang chịu tác động sâu sắc của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế tri thức và sự biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Những thay đổi đó làm cho tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm nghề nghiệp có nguy cơ lạc hậu nhanh hơn trước. Vì vậy, người học không thể chỉ dựa vào những gì được đào tạo trong một giai đoạn nhất định, mà cần hình thành năng lực học tập suốt đời, năng lực thích ứng và năng lực tự quản trị sự phát triển của bản thân.

Đối với sinh viên tại các cơ sở đào tạo, yêu cầu đặt ra không chỉ là “học để có nghề”, mà còn là “học để thích ứng”, “học để tự phát triển”, “học để sống có trách nhiệm” và “học để hạnh phúc”. Đây là sự chuyển dịch quan trọng từ giáo dục thiên về truyền thụ tri thức sang giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất, bản lĩnh và khả năng kiến tạo cuộc sống của người học.

Nhìn từ tiến trình đổi mới tư duy giáo dục của Đảng, tinh thần “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn liền với xã hội” cần được tiếp cận theo nghĩa rộng hơn trong bối cảnh hiện nay: học qua thực hành nghề nghiệp, học qua dự án, học qua trải nghiệm cộng đồng, học qua môi trường số và học qua quá trình tự phản tư của người học. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định yêu cầu chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhấn mạnh yêu cầu xây dựng xã hội học tập, khơi dậy tinh thần tự học, học tập không ngừng, học tập suốt đời; coi người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; đồng thời khẳng định giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao (Bộ Chính trị, 2025a). Cùng với đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 131/QĐ-TTg về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; Quyết định số 2239/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 2222/QĐ-TTg về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đã tạo cơ sở quan trọng để các cơ sở đào tạo đổi mới mục tiêu, nội dung và phương thức giáo dục theo hướng phát triển năng lực tự học, năng lực số, trách nhiệm công dân và khả năng thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên.

Tại tỉnh Lạng Sơn, các định hướng về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; chuyển đổi số; phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật; cùng với các chính sách về công tác thanh niên cho thấy giáo dục và đào tạo đang được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với phát triển nguồn nhân lực, thị trường lao động, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đặc biệt, Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Kết luận số 166-KL/TW đã cụ thể hóa yêu cầu tăng cường công tác thanh niên trong tình hình mới, gắn phát triển thanh niên với chuyển đổi số, định hướng nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng, khởi nghiệp, lập nghiệp và tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Từ thực tiễn đào tạo trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có thể thấy yêu cầu đào tạo gắn với phát triển toàn diện sinh viên không chỉ xuất phát từ định hướng lý luận và chính sách, mà còn từ chính nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Hiện nay, quy mô đào tạo trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh không lớn, với 02 trường cao đẳng giữ vai trò quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tham gia vào thị trường lao động địa phương.

Trong bối cảnh Lạng Sơn đang đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp hàng hóa và các khu, cụm công nghiệp, yêu cầu đặt ra đối với sinh viên không chỉ là nắm vững kiến thức chuyên môn, mà còn phải có kỹ năng thực hành, năng lực số, kỹ năng giao tiếp, tác phong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng với môi trường làm việc. Kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh về nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực từ hoạt động gắn kết giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cũng cho thấy chất lượng đào tạo phụ thuộc lớn vào mức độ gắn kết giữa nhà trường với đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt trong xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, thực tập, tư vấn hướng nghiệp, tuyển dụng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học (Phùng Quý Sơn và cộng sự, 2026).

Từ góc độ tâm lý - giáo dục, sinh viên thời đại số đang đứng trước một nghịch lý phát triển: có nhiều thông tin hơn nhưng dễ thiếu định hướng; có nhiều công cụ học tập hơn nhưng dễ suy giảm khả năng tập trung; có nhiều kết nối hơn nhưng có thể thiếu kết nối xã hội sâu sắc; có nhiều cơ hội nghề nghiệp hơn nhưng cũng chịu áp lực thích ứng lớn hơn. Vì vậy, đào tạo gắn với phát triển toàn diện trong thời đại số cần được tiếp cận không chỉ như quá trình trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, mà còn là quá trình tác động có hệ thống đến nhận thức, động cơ, cảm xúc, hành vi và giá trị sống của sinh viên.

Bài viết được đặt trong mạch chủ đề của hội thảo về học tập suốt đời, chỉ số hạnh phúc và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong thời đại số. Từ góc nhìn tâm lý - giáo dục, học tập suốt đời không chỉ là yêu cầu của xã hội học tập, mà còn là năng lực phát triển cá nhân; lối sống có trách nhiệm không chỉ là chuẩn mực đạo đức, mà còn là biểu hiện của năng lực tự quản trị bản thân; hạnh phúc của sinh viên không chỉ là trạng thái cảm xúc tích cực, mà là kết quả của quá trình học tập có mục tiêu, có ý nghĩa, có kết nối và có triển vọng nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG

1. Sinh viên trong thời đại số: đặc điểm tâm lý và nhu cầu học tập

Sinh viên tại các cơ sở đào tạo hiện nay phần lớn trưởng thành trong môi trường số. Các em có khả năng tiếp cận thông tin nhanh, sử dụng thành thạo các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, học liệu số và ngày càng quen thuộc với các công cụ trí tuệ nhân tạo. Đây là lợi thế quan trọng để mở rộng cơ hội học tập, tăng cường khả năng kết nối, tiếp cận tri thức và phát triển năng lực cá nhân.

Tuy nhiên, môi trường số cũng đặt sinh viên trước nhiều thách thức tâm lý mới. Sự gia tăng của thông báo điện thoại, video ngắn, mạng xã hội, học liệu mở và trí tuệ nhân tạo khiến sinh viên dễ rơi vào trạng thái quá tải thông tin, phân tán chú ý và học tập thiếu chiều sâu. Các em không chỉ cần nhiều thời gian hơn để học tập, mà quan trọng hơn là cần năng lực quản lý sự chú ý, quản lý mục tiêu và quản lý hành vi số của chính mình.

Từ góc độ tâm lý học phát triển, sinh viên là nhóm người học đang ở giai đoạn chuyển tiếp quan trọng: từ phụ thuộc sang tự chủ, từ học theo yêu cầu sang học vì mục tiêu cá nhân và nghề nghiệp, từ tiếp nhận tri thức sang tự kiến tạo năng lực. Ở giai đoạn này, sinh viên có nhu cầu mạnh mẽ được khẳng định bản thân, được công nhận, được kết nối, được trải nghiệm và được tìm thấy ý nghĩa trong ngành học, nghề nghiệp tương lai. Các tiếp cận tâm lý học giáo dục cũng nhấn mạnh rằng sự phát triển nhân cách người học chịu tác động mạnh mẽ bởi nhu cầu, động cơ, hoạt động và môi trường xã hội.

Về mặt động cơ học tập, sinh viên không chỉ học vì điểm số, văn bằng hay yêu cầu từ bên ngoài. Khi việc học gắn với mục tiêu nghề nghiệp, giá trị cá nhân và cảm giác tiến bộ, sinh viên sẽ có xu hướng hình thành động cơ học tập nội tại. Lý thuyết tự quyết của Deci và Ryan cho thấy động cơ nội tại được nuôi dưỡng khi người học cảm thấy có quyền tự chủ, có năng lực và có sự kết nối tích cực với môi trường học tập (Ryan & Deci, 2000). Điều này gợi ý rằng cơ sở đào tạo cần tạo ra

môi trường giúp sinh viên được lựa chọn, được thử nghiệm, được phản hồi, được hỗ trợ và được ghi nhận sự tiến bộ.

Nhu cầu học tập của sinh viên trong thời đại số có thể khái quát ở một số phương diện. Thứ nhất, sinh viên có nhu cầu học tập gắn với nghề nghiệp, việc làm và triển vọng phát triển bản thân. Thứ hai, sinh viên cần được học trong môi trường linh hoạt, thực tế, có trải nghiệm, có ứng dụng công nghệ và có liên hệ với đời sống nghề nghiệp. Thứ ba, sinh viên cần được hỗ trợ về phương pháp học tập, kỹ năng tự học, quản lý thời gian, quản lý cảm xúc và định hướng nghề nghiệp. Thứ tư, sinh viên cần được kết nối, được ghi nhận và được tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa trong cộng đồng học tập. Thứ năm, sinh viên cần được phát triển năng lực số, trách nhiệm số và khả năng sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách có đạo đức.

Có thể nói, sinh viên không thiếu khả năng tiếp cận thông tin, nhưng có thể thiếu phương pháp chọn lọc thông tin; không thiếu công cụ học tập, nhưng có thể thiếu năng lực tự quản trị; không thiếu kết nối trực tuyến, nhưng cần những kết nối xã hội có ý nghĩa; không thiếu cơ hội, nhưng cần được định hướng để biến cơ hội thành năng lực phát triển bền vững.

Từ những đặc điểm và nhu cầu trên, nhiệm vụ của cơ sở đào tạo không chỉ là cung cấp tri thức chuyên môn mà còn là kiến tạo môi trường phát triển tâm lý tích cực, nơi sinh viên được hỗ trợ để hình thành động cơ học tập, năng lực tự học, bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với bản thân, nghề nghiệp, cộng đồng.

2. Học tập suốt đời và năng lực quản trị bản thân của sinh viên

Học tập suốt đời không chỉ là việc tiếp tục học sau khi tốt nghiệp, mà là năng lực phát triển cá nhân. Năng lực đó bao gồm động cơ học tập bền vững, khả năng tự học, tư duy phản biện, năng lực số, khả năng học từ trải nghiệm, khả năng cập nhật nghề nghiệp và khả năng thích ứng với sự thay đổi. Trong bối cảnh nghề nghiệp biến đổi nhanh, tốt nghiệp không phải là điểm kết thúc học tập, mà là điểm khởi đầu của một chu trình học tập mới trong đời sống nghề nghiệp.

Về cơ sở khoa học, việc định hướng học tập suốt đời và lối sống có trách nhiệm cho sinh viên cần được tiếp cận từ góc nhìn liên ngành giữa tâm lý học, giáo dục học và khoa học phát triển con người. Trong đó, có thể xác lập một khung logic cơ bản: nhu cầu tâm lý của sinh viên, động cơ học tập, năng lực tự điều chỉnh, năng lực quản trị bản thân, hành vi học tập suốt đời, lối sống có trách nhiệm, hạnh phúc nghề nghiệp. Khung tiếp cận này cho phép nhìn nhận sinh viên không chỉ là người tiếp nhận tri thức, mà là một chủ thể tâm lý đang phát triển, có nhu cầu được tự chủ, được khẳng định năng lực, được kết nối xã hội và được tìm thấy ý nghĩa trong học tập, nghề nghiệp.

Trước hết, các lý thuyết về nhu cầu và động cơ học tập cho thấy hành vi học tập của sinh viên chịu tác động sâu sắc bởi hệ thống nhu cầu tâm lý cá nhân. Theo Maslow, con người có các tầng nhu cầu từ cơ bản đến cao hơn, trong đó các nhu cầu về an toàn, được thuộc về, được tôn trọng và tự khẳng định có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhân cách (Maslow, 1943). Vận dụng vào giáo dục, sinh viên chỉ có thể học tập tích cực và bền vững khi các em cảm thấy mình được tôn

trọng, được ghi nhận, được hỗ trợ và có cơ hội phát triển bản thân. Nếu môi trường học tập thiếu an toàn tâm lý, thiếu sự công nhận hoặc thiếu ý nghĩa nghề nghiệp, sinh viên dễ rơi vào trạng thái học đối phó, giảm động lực và thiếu gắn bó với ngành học.

Lý thuyết tự quyết của Deci và Ryan tiếp tục làm rõ cơ chế hình thành động cơ học tập nội tại. Theo lý thuyết này, ba nhu cầu tâm lý nền tảng của con người là tự chủ, năng lực và kết nối. Khi sinh viên cảm thấy mình có quyền lựa chọn, có khả năng tiến bộ và có mối quan hệ tích cực với giảng viên, bạn bè, cơ sở đào tạo, động cơ học tập nội tại sẽ được củng cố (Ryan & Deci, 2000). Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục học tập suốt đời, bởi học tập suốt đời không thể dựa chủ yếu vào sự ép buộc từ bên ngoài, mà cần được nuôi dưỡng bằng động cơ tự thân, hứng thú học tập, niềm tin vào năng lực cá nhân và cảm nhận về ý nghĩa của việc học.

Bên cạnh động cơ, niềm tin vào năng lực bản thân cũng là yếu tố tâm lý quan trọng. Bandura cho rằng tự hiệu quả là niềm tin của cá nhân vào khả năng tổ chức và thực hiện các hành động cần thiết để đạt được mục tiêu (Bandura, 1997). Sinh viên có niềm tin vào năng lực của mình thường chủ động hơn trong học tập, kiên trì hơn trước khó khăn và có khả năng vượt qua thất bại tốt hơn. Ngược lại, khi sinh viên thiếu niềm tin vào bản thân, các em dễ né tránh nhiệm vụ khó, dễ bỏ cuộc và khó duy trì tinh thần học tập lâu dài. Vì vậy, cơ sở đào tạo cần tạo ra các trải nghiệm học tập giúp sinh viên cảm nhận được sự tiến bộ, được phản hồi tích cực và được củng cố niềm tin vào khả năng phát triển của chính mình.

Ở bình diện quá trình học tập, lý thuyết tự điều chỉnh học tập của Zimmerman cho thấy người học hiệu quả là người biết đặt mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn chiến lược học tập, tự giám sát tiến độ, tự đánh giá kết quả và điều chỉnh hành vi học tập (Zimmerman, 2002). Đây là nền tảng trực tiếp của học tập suốt đời. Một sinh viên không có năng lực tự điều chỉnh sẽ khó tự học, khó duy trì động cơ, khó kiểm soát thời gian và khó thích ứng với các yêu cầu mới của nghề nghiệp. Vì vậy, học tập suốt đời không nên được hiểu đơn giản là học thêm sau khi tốt nghiệp, mà cần được hiểu là năng lực tự tổ chức và tự điều chỉnh quá trình học tập của cá nhân trong suốt cuộc đời.

Trong thời đại số, tự điều chỉnh học tập cần được mở rộng thành năng lực quản trị bản thân. Năng lực này bao gồm quản trị mục tiêu, quản trị thời gian, quản trị sự chú ý, quản trị cảm xúc, quản trị hành vi số và quản trị định hướng nghề nghiệp. Nếu trước đây quản lý thời gian thường được xem là một kỹ năng mềm, thì hiện nay, trong môi trường số, quản lý thời gian phải gắn với quản lý sự chú ý và kiểm soát xao nhãng. Sinh viên không chỉ thiếu thời gian, mà còn dễ mất khả năng tập trung do mạng xã hội, thông báo điện thoại, học liệu phân tán, video ngắn và sự phụ thuộc vào công nghệ. Do đó, các tiếp cận về quản lý thời gian, làm việc hiệu quả, học tập sâu và quản lý sự chú ý cần được xem như những công cụ tâm lý - giáo dục giúp sinh viên hình thành tính tự chủ, kỷ luật cá nhân và trách nhiệm học tập.

Ở bình diện giáo dục hiện đại, các quan điểm của OECD, UNESCO và khung năng lực số DigComp cũng nhấn mạnh yêu cầu phát triển năng lực chủ thể của người học, năng lực số, tư duy phản biện, năng lực thích ứng và học tập suốt đời. Khung La bàn học tập 2030 của OECD đề cao năng lực người học trong việc định

hướng cuộc sống, phát triển hạnh phúc cá nhân và đóng góp cho hạnh phúc cộng đồng (OECD, 2019). UNESCO nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong giáo dục nhưng đồng thời lưu ý công nghệ phải phục vụ con người, phát triển tư duy phản biện, đạo đức và công bằng trong tiếp cận giáo dục (UNESCO, 2023). Khung DigComp 2.2 của Liên minh châu Âu tiếp cận năng lực số như một tổ hợp gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp công dân sử dụng công nghệ một cách tự tin, phê phán, an toàn và có trách nhiệm (European Commission, 2022).

Từ các cơ sở trên, có thể khẳng định: đào tạo gắn với phát triển toàn diện không chỉ là trang bị kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, mà là quá trình phát triển đồng thời động cơ học tập, năng lực tự điều chỉnh, năng lực quản trị bản thân, năng lực số, trách nhiệm công dân và khả năng thích ứng của sinh viên. Học tập suốt đời chỉ có thể trở thành năng lực thực sự khi sinh viên biết tự nhận thức, biết quản trị bản thân, biết học tập có mục tiêu, biết sử dụng công nghệ có trách nhiệm và biết gắn sự phát triển cá nhân với trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng. Đây cũng là nền tảng tâm lý - giáo dục để hình thành lối sống có trách nhiệm và hạnh phúc nghề nghiệp cho sinh viên trong thời đại số.

3. Lối sống có trách nhiệm: từ trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm số đến trách nhiệm cộng đồng

Lối sống có trách nhiệm của sinh viên trong thời đại số cần được hiểu theo nghĩa rộng. Đó không chỉ là việc tuân thủ nội quy hay ứng xử đúng mực, mà còn là năng lực sống có mục tiêu, có kỷ luật, có đạo đức, có khả năng tự điều chỉnh và có ý thức đóng góp cho cộng đồng.

Trước hết, sinh viên cần có trách nhiệm với bản thân. Trách nhiệm với bản thân thể hiện ở việc biết quản lý thời gian, giữ gìn sức khỏe thể chất và tinh thần, kiểm soát cảm xúc, xây dựng mục tiêu học tập, duy trì kỷ luật cá nhân và chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn. Một sinh viên không biết quản trị bản thân khó có thể duy trì học tập suốt đời và khó hình thành lối sống có trách nhiệm với người khác.

Thứ hai, sinh viên cần có trách nhiệm với học tập và nghề nghiệp. Điều này thể hiện ở tinh thần học thật, làm thật, trung thực trong kiểm tra, đánh giá, tôn trọng chuẩn mực nghề nghiệp, có trách nhiệm với sản phẩm học tập và có ý thức học nâng cao, học lại, học thêm để thích ứng với thay đổi. Trong giáo dục nghề nghiệp, trách nhiệm nghề nghiệp càng có ý nghĩa quan trọng bởi người học sau khi tốt nghiệp sẽ tham gia trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, chăm sóc con người, công nghệ, thương mại và đời sống xã hội.

Thứ ba, sinh viên cần có trách nhiệm trên không gian số. Không gian số là một phần không thể tách rời của đời sống sinh viên hiện nay. Mỗi hành vi trực tuyến đều phản ánh nhận thức, văn hóa và trách nhiệm cá nhân. Sinh viên cần biết kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ, không lan truyền tin giả, không ứng xử độc hại trên mạng, không sử dụng trí tuệ nhân tạo để gian lận học thuật, biết bảo vệ dữ liệu cá nhân và biết xây dựng hình ảnh số tích cực. Trách nhiệm số cần được xem là một bộ phận quan trọng của lối sống có trách nhiệm trong thời đại số.

Thứ tư, sinh viên cần có trách nhiệm với cộng đồng. Hoạt động cộng đồng là môi trường giáo dục quan trọng giúp sinh viên chuyển hóa tri thức, kỹ năng và giá trị sống thành hành vi thực tiễn. Nếu hoạt động học tập trên lớp góp phần hình thành năng lực chuyên môn, thì hoạt động cộng đồng giúp sinh viên rèn luyện trách nhiệm xã hội, năng lực hợp tác, tinh thần chia sẻ, khả năng thích ứng và ý thức công dân.

Cộng đồng có thể được xem là một “lớp học mở”, nơi sinh viên học cách quan sát đời sống, nhận diện vấn đề xã hội, hợp tác với người khác, phục vụ cộng đồng và phát triển ý thức trách nhiệm. Hoạt động cộng đồng không nên được hiểu đơn thuần là hoạt động phong trào, mà cần được tổ chức như một phương thức giáo dục trải nghiệm. Sinh viên có thể tham gia các dự án phục vụ cộng đồng, hoạt động truyền thông tích cực, hỗ trợ nhóm yếu thế, hoạt động tình nguyện gắn với chuyên môn, hoạt động khởi nghiệp xã hội, dự án truyền thông về công dân số trách nhiệm hoặc các chương trình hỗ trợ phát triển địa phương.

Hoạt động cộng đồng trong cơ sở đào tạo có thể được triển khai với sự tham gia của nhiều lực lượng như tổ chức sinh viên, câu lạc bộ, cố vấn học tập, giảng viên, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Cách tiếp cận này giúp mở rộng hoạt động giáo dục ngoài lớp học, tránh giới hạn trong một loại hình phong trào, đồng thời vẫn bảo đảm mục tiêu rèn luyện trách nhiệm xã hội, tinh thần công hiến, kỹ năng hợp tác và ý thức công dân cho sinh viên.

Từ góc độ tâm lý học tích cực, hạnh phúc của sinh viên không nên được hiểu đơn giản là cảm xúc vui vẻ trong môi trường học đường, mà là trạng thái phát triển tích cực khi người học cảm thấy mình có mục tiêu, có năng lực, có kết nối, có giá trị và có triển vọng nghề nghiệp. Hạnh phúc nghề nghiệp của sinh viên được hình thành khi các em hiểu ý nghĩa ngành học, cảm nhận được sự tiến bộ của bản thân, có niềm tin vào năng lực nghề nghiệp, có quan hệ tích cực với giảng viên, bạn bè, cộng đồng và nhìn thấy triển vọng phát triển trong tương lai (Seligman, 2011).

Dù bài viết không triển khai khảo sát thực nghiệm, các cơ sở đào tạo có thể xem hạnh phúc và mức độ gắn bó nghề nghiệp của sinh viên như những chỉ báo quan trọng trong đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện. Các chỉ báo này có thể được nhận diện qua mức độ hài lòng với ngành học, cảm nhận về sự tiến bộ của bản thân, niềm tin vào năng lực nghề nghiệp, cảm giác được kết nối trong môi trường học tập, khả năng quản trị cảm xúc và mong muốn tiếp tục học tập, phát triển trong nghề.

Như vậy, học tập suốt đời, lối sống có trách nhiệm và hạnh phúc nghề nghiệp không phải là ba vấn đề tách rời. Chúng có quan hệ hữu cơ với nhau thông qua năng lực quản trị bản thân của sinh viên. Đây là điểm cốt lõi để đào tạo gắn với phát triển toàn diện trở thành một quá trình phát triển con người, chứ không chỉ là quá trình truyền đạt kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

4. Mô hình 5T và đề xuất một số giải pháp triển khai trong cơ sở đào tạo

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, nhiều tổ chức quốc tế đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển năng lực chủ thể của người học, học tập suốt đời, năng lực số, năng lực thích ứng và khả năng tham gia có trách nhiệm vào đời sống xã hội. OECD đề cao vai trò của năng lực người học trong việc định hướng cuộc sống, phát triển hạnh

phúc cá nhân và đóng góp cho hạnh phúc cộng đồng; UNESCO nhấn mạnh công nghệ trong giáo dục phải phục vụ con người, phát triển tư duy phản biện, đạo đức và công bằng trong tiếp cận giáo dục; khung DigComp 2.2 tiếp cận năng lực số như một tổ hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp công dân sử dụng công nghệ một cách tự tin, phê phán, an toàn và có trách nhiệm. Những định hướng này cho thấy đào tạo gắn với phát triển toàn diện cần vượt ra ngoài phạm vi lớp học truyền thống, hướng tới xây dựng hệ sinh thái học tập trong đó sinh viên được học từ giảng viên, bạn bè, doanh nghiệp, cộng đồng, công nghệ và chính trải nghiệm của mình.

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất mô hình 5T nhằm định hướng phát triển sinh viên trong thời đại số: tự nhận thức, tự quản trị, tự học, trách nhiệm và thích ứng.

Tự nhận thức là nền tảng để sinh viên hiểu mình, hiểu nhu cầu, động cơ, điểm mạnh, điểm hạn chế và mục tiêu nghề nghiệp của bản thân. Tự nhận thức giúp người học lựa chọn mục tiêu phù hợp và xây dựng động cơ học tập bền vững.

Tự quản trị là năng lực giúp sinh viên làm chủ mục tiêu, thời gian, sự chú ý, cảm xúc, hành vi số và quá trình học tập. Đây là năng lực trung tâm trong phát triển sinh viên thời đại số, bởi người học chỉ có thể học tập suốt đời khi biết tự tổ chức và tự điều chỉnh quá trình phát triển của bản thân.

Tự học là biểu hiện trực tiếp của học tập suốt đời. Sinh viên cần biết tìm kiếm học liệu, lựa chọn phương pháp học, học qua trải nghiệm, học qua cộng đồng, học qua công nghệ và cập nhật năng lực nghề nghiệp.

Trách nhiệm là kết quả của quá trình chuyển hóa nhận thức và năng lực thành hành vi đạo đức, hành vi nghề nghiệp và hành vi công dân. Sinh viên cần có trách nhiệm với bản thân, học tập, nghề nghiệp, cộng đồng và không gian số.

Thích ứng là năng lực giúp sinh viên phát triển bền vững trong bối cảnh công nghệ, nghề nghiệp và đời sống xã hội luôn biến đổi. Thích ứng không chỉ là phản ứng với thay đổi, mà còn là khả năng chủ động học hỏi, điều chỉnh và tạo ra giá trị mới.

Mô hình 5T cho thấy phát triển sinh viên trong thời đại số cần đi từ bên trong ra bên ngoài: từ tự nhận thức đến tự quản trị, từ tự học đến trách nhiệm, từ trách nhiệm đến thích ứng. Đây là hướng tiếp cận phù hợp để các cơ sở đào tạo phát triển người học toàn diện.

Từ mô hình trên, có thể đề xuất một số giải pháp triển khai trong cơ sở đào tạo, cụ thể:

Thứ nhất, đổi mới mục tiêu đào tạo theo hướng phát triển toàn diện người học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo không chỉ phản ánh kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn cần thể hiện năng lực tự học, năng lực quản trị bản thân, năng lực số, trách nhiệm công dân và khả năng thích ứng nghề nghiệp. Đào tạo không chỉ nhằm tạo ra người lao động có kỹ năng, mà cần hình thành công dân nghề nghiệp có tri thức, có trách nhiệm, có năng lực tự học và có khả năng phát triển bền vững.

Thứ hai, tích hợp giáo dục nghề nghiệp với giáo dục trách nhiệm công dân trong chương trình đào tạo. Các cơ sở đào tạo cần lồng ghép nội dung đạo đức nghề

nghệ, trách nhiệm công dân, trách nhiệm số và văn hóa ứng xử vào từng học phần, từng tình huống nghề nghiệp và từng hoạt động trải nghiệm. Sinh viên cần được giáo dục để hiểu rằng năng lực nghề nghiệp không chỉ thể hiện ở kỹ năng thực hành, mà còn ở thái độ nghề nghiệp, tinh thần kỷ luật, ý thức phục vụ, trách nhiệm với cộng đồng và khả năng sử dụng công nghệ một cách có đạo đức.

Thứ ba, tích hợp năng lực quản trị bản thân vào chương trình đào tạo và hoạt động giáo dục. Các nội dung như quản lý thời gian, quản lý sự chú ý, tự điều chỉnh học tập, quản trị cảm xúc, trách nhiệm số, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm và định hướng nghề nghiệp cần được lồng ghép trong học phần, sinh hoạt chuyên đề, cố vấn học tập, hoạt động trải nghiệm và hoạt động cộng đồng.

Thứ tư, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển chủ thể người học. Giảng viên cần tăng cường các phương pháp như học qua dự án, học qua vấn đề, học qua trải nghiệm, lớp học đảo ngược, học kết hợp trực tiếp - trực tuyến, học qua tình huống nghề nghiệp và phản tư học tập. Qua đó, sinh viên không chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập mà còn biết đặt mục tiêu, lập kế hoạch, hợp tác, tự đánh giá và điều chỉnh quá trình học của mình.

Thứ năm, giáo dục trách nhiệm số và sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Trên tinh thần Quyết định số 2222/QĐ-TTg về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo cần coi năng lực số là một thành tố quan trọng của năng lực nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời. Sinh viên không chỉ cần biết sử dụng công nghệ, mà còn cần biết học tập trên môi trường số, khai thác học liệu số, kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm và duy trì tính trung thực trong học tập. Đây là yêu cầu thiết thực để đào tạo người học có khả năng thích ứng với thị trường lao động số và môi trường nghề nghiệp đang thay đổi nhanh chóng.

Thứ sáu, phát triển hoạt động cộng đồng như một phương thức giáo dục toàn diện. Hoạt động cộng đồng cần có mục tiêu giáo dục rõ ràng, có tổ chức, có phản tư, có liên hệ với chuyên môn và có đánh giá quá trình tham gia của sinh viên. Đây là cách giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội, năng lực hợp tác, tinh thần phục vụ và cảm giác có ích.

Thứ bảy, xây dựng môi trường học đường hạnh phúc, an toàn và phát triển. Môi trường đó không chỉ là môi trường vui vẻ, mà là môi trường trong đó sinh viên cảm thấy được tôn trọng, được hỗ trợ, được kết nối, được ghi nhận và có cơ hội phát triển. Cơ sở đào tạo cần quan tâm đến tư vấn tâm lý, cố vấn học tập, hướng nghiệp, văn hóa ứng xử, hỗ trợ sinh viên khó khăn và phát triển các không gian học tập tích cực.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong thời đại số, đào tạo gắn với phát triển toàn diện là yêu cầu tất yếu đối với các cơ sở đào tạo. Sinh viên không chỉ cần được trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà còn cần được phát triển năng lực tự học, năng lực quản trị bản thân, năng lực số, trách nhiệm công dân và khả năng thích ứng.

Từ góc độ tâm lý - giáo dục, học tập suốt đời không thể hình thành nếu người học thiếu năng lực tự nhận thức, tự quản trị và tự điều chỉnh học tập. Lối sống có trách nhiệm cũng không thể hình thành bằng lời khuyên đạo đức đơn thuần, mà cần được rèn luyện thông qua học tập, trải nghiệm, hoạt động cộng đồng và môi trường giáo dục tích cực.

Đào tạo gắn với phát triển toàn diện vì vậy không chỉ là đổi mới chương trình hay phương pháp dạy học, mà là quá trình tác động có hệ thống đến nhận thức, động cơ, cảm xúc, hành vi và giá trị sống của sinh viên. Khi sinh viên biết tự nhận thức, tự quản trị, tự học, sống có trách nhiệm và thích ứng với thay đổi, giáo dục mới thực sự trở thành nền tảng nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người trong thời đại số.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với cơ sở đào tạo

Cơ sở đào tạo cần tiếp tục đổi mới mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng phát triển toàn diện người học. Năng lực tự học, năng lực quản trị bản thân, năng lực số và trách nhiệm công dân cần được xem là những năng lực quan trọng trong chuẩn đầu ra và trong hoạt động giáo dục.

Cần tích hợp các nội dung về quản lý thời gian, quản lý sự chú ý, tự điều chỉnh học tập, sức khỏe tinh thần số, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, hoạt động cộng đồng và định hướng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo, sinh hoạt chuyên đề và hoạt động hỗ trợ sinh viên.

2.2. Đối với giảng viên

Giảng viên cần chuyển từ vai trò truyền đạt tri thức sang vai trò thiết kế môi trường học tập, cố vấn phát triển và đồng hành với sinh viên. Trong quá trình giảng dạy, cần quan tâm đến động cơ học tập, khó khăn tâm lý, năng lực tự học, khả năng quản trị bản thân và định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

Mỗi học phần cần tạo cơ hội để sinh viên đặt mục tiêu, lập kế hoạch, tự học, hợp tác, phản tư và đánh giá sự tiến bộ của bản thân.

2.3. Đối với các lực lượng tổ chức hoạt động cộng đồng và hỗ trợ sinh viên

Các lực lượng tổ chức hoạt động cộng đồng, cố vấn học tập, câu lạc bộ, tổ chức sinh viên và các đơn vị hỗ trợ người học cần phối hợp xây dựng các chương trình phát triển kỹ năng tự quản trị, trách nhiệm số, kỹ năng sống, hướng nghiệp, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động cộng đồng cần được thiết kế như một phương thức giáo dục trải nghiệm, giúp sinh viên chuyển hóa tri thức thành hành động, chuyển hóa kỹ năng thành trách nhiệm và chuyển hóa trải nghiệm thành năng lực sống.

2.4. Đối với sinh viên

Sinh viên cần chủ động xây dựng kế hoạch học tập và phát triển bản thân; biết quản lý thời gian, quản lý sự chú ý, kiểm soát cảm xúc, sử dụng công nghệ có trách nhiệm và nuôi dưỡng tinh thần học tập suốt đời.

Mỗi sinh viên cần nhận thức rằng năng lực tự học và năng lực quản trị bản thân chính là nền tảng để thích ứng nghề nghiệp, sống có trách nhiệm và kiến tạo hạnh phúc trong tương lai.

2.5. Đối với cơ quan quản lý và địa phương

Cần tiếp tục quan tâm hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, chuyển đổi số trong giáo dục, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ thanh niên và phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, cần tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, gia đình và cộng đồng nhằm tạo hệ sinh thái học tập suốt đời cho sinh viên.

Học tập suốt đời không bắt đầu sau khi sinh viên rời cơ sở đào tạo, mà bắt đầu từ từng giờ học, từng nhiệm vụ học tập, từng hoạt động cộng đồng và từng lựa chọn sống hằng ngày. Khi sinh viên biết tự nhận thức, tự quản trị, tự học, sống có trách nhiệm và thích ứng với thay đổi, giáo dục mới thực sự trở thành nền tảng nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người trong thời đại số.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn (2021). Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn (2021). Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
4. Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
5. Bộ Chính trị (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
6. Bộ Chính trị (2025). Kết luận số 166-KL/TW ngày 10/6/2025 về nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” trong tình hình mới.
7. Maslow, A. H. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50(4), 370-396.
8. Bandura, A. (1997). Self-efficacy: The exercise of control. W. H. Freeman.
9. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist*, 55(1), 68-78.

10. Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory Into Practice*, 41(2), 64-70.
11. Seligman, M. E. P. (2011). *Flourish: A visionary new understanding of happiness and well-being*. Free Press.
12. OECD. (2019). *OECD Learning Compass 2030*.
13. European Commission. (2022). *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens*.
14. UNESCO. (2023). *Technology in education: A tool on whose terms? Global Education Monitoring Report*.
15. Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.
16. Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
17. Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.
18. UBND tỉnh Lạng Sơn (2025). Kế hoạch đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật đáp ứng phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
19. UBND tỉnh Lạng Sơn (2025). Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/8/2025 về thực hiện Kết luận số 166-KL/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW trong tình hình mới.
20. UBND tỉnh Lạng Sơn (2026). Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
21. Phùng Quý Sơn và cộng sự (2026). Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực từ hoạt động gắn kết giữa cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với cơ sở sử dụng lao động. Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

(Bài nghiên cứu tham gia Hội thảo của Hội Khuyến học tỉnh Lạng Sơn: “Học tập suốt đời - nền tảng nâng cao chỉ số hạnh phúc của nhân dân; giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong thời đại số” tháng 6/2026).